

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh (vốn đối ứng) năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (đợt 3)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 31 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách nhà nước (đợt 4), tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh (vốn đối ứng) giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (bổ sung lần 4);

Xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh (vốn đối ứng) năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây

dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (đợt 3); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh (vốn đối ứng) năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (đợt 3), cụ thể như sau:

Tổng vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh (vốn đối ứng) năm 2025 phân bổ bổ sung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, với số tiền là 243.595 triệu đồng. Trong đó:

- Phân bổ đợt 3: 213.095 triệu đồng.
- Vốn còn lại năm 2025 chưa phân bổ: 30.500 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Khóa X, Kỳ họp thứ 31 (chuyên đề) thông qua ngày 31 tháng 3 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, NN&MT;
- TT.TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Hồ Thị Cẩm Đào

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH (VỐN ĐỐI ỨNG) NĂM 2025 TỪ NGUỒN XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (ĐỢT 3)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2024		Giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024		Kế hoạch đầu tư công năm 2025		Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	
	TỔNG CỘNG								256.384	236.915	291.169	267.415	-	-	-	-	263.064	243.595	
A	Phân bổ đợt 3								256.384	236.915	256.384	236.915	-	-	-	-	232.564	213.095	
*	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã								256.384	236.915	256.384	236.915	-	-	-	-	232.564	213.095	
I	Huyện Mỹ Tú								25.501	23.000	25.501	23.000	-	-	-	-	25.501	23.000	
1	Trường tiểu học Hưng Phú A	Xã Hưng Phú	Phòng giao dịch số 10, KBNN Khu vực XVIII	8137619	070-072	Khối phòng học (nhà 03 tầng) diện tích 1.264,63 m ² ; công tường rào; sân đường;...	2025-2026	1128/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	15.421	14.000	15.421	14.000					15.421	14.000	
2	Nâng cấp, mở rộng Lộ Hậu Bồi	Xã Hưng Phú	Phòng giao dịch số 10, KBNN Khu vực XVIII	8137479	280-292	Dài 2.979,8 m, rộng 3,5 m và 02 cây cầu	2025-2026	1129/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	10.080	9.000	10.080	9.000					10.080	9.000	
II	Huyện Thạnh Trị								123.900	118.000	123.900	118.000	-	-	-	-	100.080	94.180	
1	Nâng cấp, mở rộng lộ Tà Diếp C1 - Tà Diếp C2 nối tiếp kết nối đường huyện 61	Xã Thạnh Trị - Thạnh Tân	Phòng giao dịch số 13 - KBNN Khu vực XVIII	8137105	280-292	Dài 2.798 m, rộng 3,5 m và 04 cầu trên tuyến	2025-2026	747/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	9.975	9.500	9.975	9.500					8.975	8.500	
2	Xây mới cầu Đập Đá áp Rẫy Mới	Xã Thạnh Trị	Phòng giao dịch số 13 - KBNN Khu vực XVIII	8137104	280-292	Dài 31 m, rộng 3,5 m	2025-2026	748/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	3.150	3.000	3.150	3.000					3.150	3.000	
3	Nâng cấp lộ Tà Niên - nhà ông Tư Thắng	Xã Thạnh Trị	Phòng giao dịch số 13 - KBNN Khu vực XVIII	8137103	280-292	Dài 3.651 m, rộng 3,5 m và 03 cầu trên tuyến	2025-2026	749/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	12.600	12.000	12.600	12.000					9.600	9.000	
4	Nâng cấp, mở rộng lộ kênh Cái Trầu nối tiếp	Xã Lâm Tân	Phòng giao dịch số 13 - KBNN Khu vực XVIII	8137102	280-292	Dài 1.091 m, rộng 3,5 m và 02 cầu trên tuyến	2025-2026	750/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	5.775	5.500	5.775	5.500					5.775	5.500	
5	Nâng cấp mở rộng Đường kênh 14/9	Xã Lâm Tân	Phòng giao dịch số 13 - KBNN Khu vực XVIII	8137101	280-292	Dài 2.673 m, rộng 3,5 m và 06 cầu trên tuyến	2025-2026	751/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	19.950	19.000	19.950	19.000					10.950	10.000	
6	Nâng cấp, mở rộng lộ từ cầu Mây Đốc đến Kinh Cùi	Xã Thạnh Trị	Phòng giao dịch số 13 - KBNN Khu vực XVIII	8137100	280-292	Dài 1.653 m, rộng 3,5 m và 02 cầu trên tuyến	2025-2026	752/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	9.450	9.000	9.450	9.000					8.450	8.000	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bỏ trí đến kế hoạch năm 2024		Giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024		Kế hoạch đầu tư công năm 2025		Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	
7	Nâng cấp, mở rộng lộ từ cầu treo Trương Hiền đến cầu treo Rẫy Mới	Xã Thanh Trị	Phòng giao dịch số 13 - KBNN Khu vực XVIII	8137099	280-292	Dài 1.664 m, rộng 3,5 m và 02 cầu trên tuyến	2025-2026	753/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	9.450	9.000	9.450	9.000					7.450	7.000	
8	Nâng cấp, mở rộng Lộ Thanh Điền - Bào Lớn	Thị trấn Phú Lộc	Phòng giao dịch số 13 - KBNN Khu vực XVIII	8137098	280-292	Dài 1.127 m, rộng 3,5 m	2025-2026	754/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	3.150	3.000	3.150	3.000					3.150	3.000	
9	Nâng cấp, mở rộng lộ Công Điền	Thị trấn Phú Lộc	Phòng giao dịch số 13 - KBNN Khu vực XVIII	8137097	280-292	Dài 1.931 m, rộng 4 m và 01 cầu trên tuyến	2025-2026	755/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	14.700	14.000	14.700	14.000					9.700	9.000	
10	Nâng cấp, mở rộng Lộ Trung Thông - Tân Định (nối tiếp giai đoạn 2)	Xã Tuân Túc	Phòng giao dịch số 13 - KBNN Khu vực XVIII	8137096	280-292	Dài 2.079 m, rộng 3,5 m và 02 cầu trên tuyến	2025-2026	756/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	7.875	7.500	7.875	7.500					7.875	7.500	
11	Lộ Kim Cúa	Xã Vinh Thành	Phòng giao dịch số 13 - KBNN Khu vực XVIII	8137095	280-292	Dài 1.155 m, rộng 3,5 m và 01 cầu trên tuyến	2025-2026	757/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	6.300	6.000	6.300	6.000					6.300	6.000	
12	Lộ ấp 17 - ấp 20 đến 16/1	Xã Vinh Thành	Phòng giao dịch số 13 - KBNN Khu vực XVIII	8137094	280-292	Dài 3.190 m, rộng 3,5 m và 03 cầu trên tuyến	2025-2026	758/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	10.500	10.000	10.500	10.000					9.500	9.000	
13	Nâng cấp, mở rộng chợ Phú Lộc và Chợ Hưng Lợi	Thị trấn Phú Lộc - Hưng Lợi	Phòng giao dịch số 13 - KBNN Khu vực XVIII	8137093	280-321	Nâng cấp, mở rộng chợ hiện trạng	2025-2026	759/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	11.025	10.500	11.025	10.500					9.205	8.680	
III	Huyện Long Phú								56.904	49.915	56.904	49.915	-	-	-	-	56.904	49.915	
1	Đường Cánh đồng mẫu (Trường Thành A - Trường An)	Xã Trường Khánh	Phòng giao dịch số 11- KBNN khu vực XVIII		280-292	Dài 1.595 m, rộng 5 m	2025	59/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	4.989	4.250	4.989	4.250					4.989	4.250	
2	Đường Trường Thành A - Trường Hưng (Đường vào Nhà văn hóa ấp)	Xã Trường Khánh	Phòng giao dịch số 11- KBNN khu vực XVIII		280-292	Dài 2.969 m, rộng 3 m; cầu dài 12 m, rộng 3 m	2025	60/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	8.088	7.050	8.088	7.050					8.088	7.050	
3	Đường Khana trên	Xã Trường Khánh	Phòng giao dịch số 11- KBNN khu vực XVIII		280-292	Dài 935 m, rộng 3 m; cầu dài 9 m, rộng 3 m; 01 Công tròn ngang đường D800	2025	61/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	3.079	2.700	3.079	2.700					3.079	2.700	
4	Đường Bà Chil (nhà trần gia ấp Trường Lộc)	Xã Trường Khánh	Phòng giao dịch số 11- KBNN khu vực XVIII		280-292	Dài 1.240 m, rộng 3 m; cầu dài 21 m, rộng 3 m	2025	62/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	5.961	5.250	5.961	5.250					5.961	5.250	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bỏ tri đến kế hoạch năm 2024		Giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024		Kế hoạch đầu tư công năm 2025		Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	
5	Đường Trường Thành B - Trường Lộc (Từ Đường tỉnh 932D đến giáp ranh xã An Mỹ)	Xã Trường Khánh	Phòng giao dịch số 11- KBNN khu vực XVIII		280-292	Dài 3.632 m, rộng 3 m; 01 Cổng tròn ngang đường D1000	2025	63/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	8.018	7.200	8.018	7.200					8.018	7.200	
6	Đường đai Cái Xe	Xã Tân Thạnh	Phòng giao dịch số 11- KBNN khu vực XVIII		280-292	Dài 5.676 m, rộng 3 m; 01 Cổng tròn ngang đường D600	2025	64/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	10.447	9.200	10.447	9.200					10.447	9.200	
7	Đường dọc kênh Hưng Thạnh (lộ nội đồng)	Xã Tân Thạnh	Phòng giao dịch số 11- KBNN khu vực XVIII		280-292	Dài 2.839 m, rộng 3 m; 04 Cổng hộp ngang đường 1,2 m x 1,2 m	2025	65/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	5.725	5.000	5.725	5.000					5.725	5.000	
8	Nâng cấp, mở rộng Lộ liên ấp Ngọn - Phó - Chùa Ông	Xã Hậu Thạnh	Phòng giao dịch số 11- KBNN khu vực XVIII		280-292	Dài 3.563 m, rộng 3,5 m và 05 cây cầu	2025	66/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	10.597	9.265	10.597	9.265					10.597	9.265	
IV	Thị xã Vĩnh Châu								49.026	45.000	49.026	45.000	-	-	-	-	49.026	45.000	
1	Trường Tiểu học Lai Hòa 4	Xã Lai Hòa	Phòng giao dịch số 12 - KBNN khu vực XVIII	8136883	070-072	Điểm chính: Nhà 03 tầng diện tích 1.827 m ² , cổng rào, nhà bảo vệ,...; Điểm Xung Thum: Nhà 02 tầng diện tích 706 m ² sân đường 238 m ²	2025	747/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	20.910	19.700	20.910	19.700					20.910	19.700	
2	Lộ Năm Căn Xẻo Su (giai đoạn 2)	Xã Lai Hòa	Phòng giao dịch số 12 - KBNN khu vực XVIII	8136882	280-292	Dài 2.035 m, rộng 3,5 m và 02 cây cầu	2025	748/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	7.498	6.730	7.498	6.730					7.498	6.730	
3	Đường KN1 đoạn từ ĐH.47C đến giáp lộ Xung Thum A	Xã Lai Hòa	Phòng giao dịch số 12 - KBNN khu vực XVIII	8136881	280-292	Dài 3.465 m, rộng 3,5 m; 02 cây cầu và 01 cổng tròn	2025	749/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	11.377	10.290	11.377	10.290					11.377	10.290	
4	Đường KN2 đoạn từ ĐH.47C đến giáp Lộ Xung Thum A	Xã Lai Hòa	Phòng giao dịch số 12 - KBNN khu vực XVIII	8136880	280-292	Dài 3.516 m, rộng 3,5 m	2025	750/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	9.241	8.280	9.241	8.280					9.241	8.280	
V	Huyện Châu Thành								1.053	1.000	1.053	1.000	-	-	-	-	1.053	1.000	
1	Nâng cấp, mở rộng đường vào Trường mầm non An Hiệp (điểm lẻ)	Xã An Hiệp	Phòng giao dịch số 10 - KBNN khu vực XVIII		280-292	Dài 91 m, rộng 4 m và hệ thống thoát nước hai bên; nâng cấp sân và phía trước cổng trường diện tích 1.574,9 m ²	2025	517/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	1.053	1.000	1.053	1.000					1.053	1.000	
B	Vốn còn lại năm 2025 chưa phân bổ (các dự án đang hoàn chỉnh thủ tục đầu tư)										34.785	30.500					30.500	30.500	